

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<b>Tên ngành, nghề:</b>	<b>DƯỢC</b>
<b>Mã ngành, nghề:</b>	<b>5720201</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Trung cấp</b>
<b>Hình thức đào tạo:</b>	<b>Tập trung</b>
<b>Đối tượng tuyển sinh:</b>	<b>Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương</b>
<b>Thời gian đào tạo:</b>	<b>18 – 24 tháng</b>

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược sĩ trung cấp có kiến thức, kỹ năng cơ bản về dược ở bậc trung cấp để làm việc tại các cơ sở Y tế, cơ sở sản xuất, kinh doanh dược phẩm; Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; Có đủ sức khỏe và có khả năng học tập vươn lên

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Quản lý, bảo quản, tồn trữ, cung ứng thuốc, cấp phát thuốc tại các cơ sở khám, chữa bệnh và kinh doanh Dược phẩm đúng quy chế và đúng kỹ thuật.
- Tham gia sản xuất thuốc thông thường trong phạm vi nhiệm vụ được giao.
- Hướng dẫn bệnh nhân và cộng đồng về sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.
- Hướng dẫn nhân dân nuôi, trồng và sử dụng các cây, con, nguyên liệu làm thuốc.
- Xác định nhu cầu, lập kế hoạch cung ứng thuốc của cộng đồng nơi làm việc.
- Tham gia thực hiện các chương trình Y tế tại nơi công tác theo nhiệm vụ được giao.
- Thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; rèn luyện sức khỏe để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Thực hiện Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và những quy định về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế

#### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người có bằng tốt nghiệp Dược sĩ trung cấp được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở Y tế, cơ sở sự nghiệp, sản xuất, kinh doanh Dược phẩm công lập hoặc ngoài công lập theo các quy chế tuyển dụng công chức và người lao động của Nhà nước.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số giờ	Số giờ	Số giờ	Kiểm tra
1	Đại cương	12	225	94	148	13
2	Cơ sở ngành	15	360	84	261	15
3	Chuyên ngành	34	1005	126	845	34
4	Tự chọn	4	90	28	58	4
	<b>Tổng</b>	<b>65</b>	<b>1710</b>	<b>332</b>	<b>1312</b>	<b>66</b>

- Thời gian khóa học: 18 – 24 tháng

## 3. Nội dung chương trình

Mã học phần	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành	Kiểm tra
<b>I. Các môn học đại cương</b>		<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
DT5001	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DT5002	Pháp luật	1	15	9	5	1
DT5003	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DT5004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
DT5005	Tin học	2	45	15	29	1
DT5006	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
<b>II. Các môn học cơ sở ngành</b>		<b>15</b>	<b>360</b>	<b>84</b>	<b>261</b>	<b>15</b>
YD5201	Viết và đọc tên thuốc	2	45	14	29	2
YD5202	Thực vật dược	3	75	14	58	3
YD5203	Hoá phân tích	3	75	14	58	3
YD5204	Y học cơ sở	3	75	14	58	3
YD5205	Bệnh học	2	45	14	29	2
YD5206	Hoá sinh	2	45	14	29	2
<b>III. Các môn học chuyên ngành</b>		<b>34</b>	<b>1005</b>	<b>126</b>	<b>845</b>	<b>34</b>
YD5207	Anh văn chuyên ngành	2	45	14	29	2

<b>YD5208</b>	Dược liệu	4	105	14	87	4
<b>YD5209</b>	Bào chế 1	3	75	14	58	3
<b>YD5210</b>	Bào chế 2	3	75	14	58	3
<b>YD5211</b>	Quản lý Dược	2	45	14	29	2
<b>YD5212</b>	Hoá dược – Dược lý 1	3	75	14	58	3
<b>YD5213</b>	Hoá dược – Dược lý 2	3	75	14	58	3
<b>YD5214</b>	Hoá dược – Dược lý 3 (Dược lâm sàng)	3	75	14	58	3
<b>YD5215</b>	Kiểm nghiệm thuốc	3	75	14	58	3
<b>TN5008</b>	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	352	8
<b>IV. Các môn học tự chọn</b>		<b>4</b>	<b>90</b>	<b>28</b>	<b>58</b>	<b>4</b>
<b>YD5216</b>	Chăm sóc dược	2	45	14	29	2
<b>YD5217</b>	Sản xuất thuốc	2	45	14	29	2
<b>YD5218</b>	Quản lý và tồn trữ thuốc, VTYT	2	45	14	29	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>65</b>	<b>1710</b>	<b>332</b>	<b>1312</b>	<b>66</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Áp dụng theo thông tư 54/2018/TT-BLĐTĐ ban hành ngày 28/12/2018 về quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

##### 4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần.
- Thời gian khóa học theo tích lũy tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học. Thời gian thực học được tính bằng thời gian tổ chức học tập các môn học. Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, lễ, tết, lao động và dự phòng
- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau :

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành tại trường và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại các cơ sở,

làm tiểu luận, bài tập lớn. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình

+ Một giờ học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận là 60 phút ; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận không quá 8 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

+ Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

#### **4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể.	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật.

5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 giờ/tháng.
6	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

### **4.3. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, và thi kết thúc môn học:**

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.
- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.
- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định.
- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 4 tuần đối với kỳ thi chính và 1 tuần đối với kỳ thi phụ. Thời gian ôn thi phải đảm bảo ít nhất ½ ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập
- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 5 ngày làm việc.
- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học phải được quy định trong chương trình môn học.

### **4.4. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, thi lại và học lại**

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học: người học được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiện sau.
  - + Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.
  - + Điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.
- Số lần dự thi kết thúc môn học:

- + Người học được dự thi kết thúc môn học lần thứ nhất ở kỳ thi chính, nếu chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi phụ do trường tổ chức.
- + Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác
- Người học phải thi lại nếu điểm môn học chưa đạt yêu cầu.
- Người học phải học lại nếu: không đủ điều kiện dự thi; hoặc đã hết số lần dự thi kết thúc môn học nhưng điểm môn học chưa đạt yêu cầu.

#### **4.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định.
- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật nhưng chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.
- Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

**HIỆU TRƯỞNG**